TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị T, trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà T cho bà H vay số tiền là 170.000.000 đồng, cho vay làm 03 lần, cụ thể: ngày 25/3/2019 âm lịch (tức ngày 29/4/2019 dương lịch) cho vay 50.000.000 đồng; ngày 21/11/2019 âm lịch (tức ngày 16/12/2019) cho vay 100.000.000 đồng; ngày 15/01/2020 âm lịch (tức ngày 08/02/2020 dương lịch) cho vay 20.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Mỗi lần vay bà H đều viết giấy vay tiền và ký tên vào sổ

của bà T. Bà H hẹn vay trong vòng 1 tháng sẽ trả tiền. Tuy nhiên từ ngày vay tiền đến nay, bà H chưa trả cho bà T khoản tiền nào. Bà T đã nhiều lần gọi điện đòi tiền nhưng bà H không trả. Sau đó vợ chồng bà H bỏ đi khỏi địa phương. Khi bà T biết được địa chỉ của bà H trên Hà Nội, bà T đã lên nhiều lần gặp để đòi tiền nhưng bà H vẫn không trả. Bà đã làm đơn tố cáo bà Huyền đến Công an huyện Kiến Xương. Quá trình làm việc tại Công an huyện Kiến Xương, bà H cam kết sẽ trả nợ dần cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng bà không chấp nhận phương án trả nợ trên. Công an huyện Kiến Xương đã giải thích yêu cầu bà T làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương để giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả nợ cho bà tổng số tiền là 170.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà H trả lãi. Kèm theo đơn khởi kiện, bà T cung cấp cho Tòa án 03 giấy vay tiền đề ngày 25/3/2019, 21/11/2019, 15/01/2020 bản gốc và bản pho to, trên các giấy vay tiền có chữ ký, dòng chữ viết tên Bùi Thị H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án cho bà H theo đúng quy định pháp luật; tiến hành xác minh về sự có mặt, vắng mặt của bà H tại địa phương, chính quyền xã Hòa Bình cung cấp bà H có chồng là Trần Việt H sinh năm 1973, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, hiện tại vợ chồng bà H không có mặt tại địa phương, vợ chồng bà H đi làm ăn tại thành phố Hà Nội, địa chỉ cụ thể địa phương không rõ. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, làm việc được với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 280, 463, 466 bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng cho bà Tươi.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Đặng Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Bùi Thị H. Trong đơn khởi kiện bà Đặng Thị T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà T, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T có cho bà Huyền vay tiền vào các ngày 29/4/2019 dương lịch (tức ngày 25/3/2019 âm lịch) bà H vay 50.000.000 đồng; ngày 16/12/2019 dương lịch (tức ngày 21/11/2019 âm lịch) bà H vay 100.000.000 đồng; ngày 08/02/2020 dương lịch (tức ngày 15/01/2020 âm lịch) bà H vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng 170.000.000 đồng thể hiện bằng chứng cứ các giấy ghi ngày 25/3/2019, ngày 21/11/2019, ngày 15/01/2020 được viết trên vở ô ly, có chữ ký tên và chữ viết Bùi Thị H bằng mực bút bi màu xanh.

[2.2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án cho bà H theo đúng quy định pháp luật; tiến hành xác minh về sự có mặt, vắng mặt của bà H tại địa phương, chính quyền xã Hòa Bình cung cấp bà Huyền có chồng là Trần Việt H sinh năm 1973, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, hiện tại vợ chồng bà H không có mặt tại địa phương, vợ chồng bà H đi làm ăn tại thành phố Hà Nội, địa chỉ cụ thể địa phương không rõ. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, làm việc được với bà H. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa tại xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nhưng bà H không đến Toà án tham gia tố tụng.

[2.3] Tòa án đã lấy lời khai của anh Trần Thanh N là con trai bà H, anh N cung cấp là hiện nay mẹ anh đang làm ăn trên Hà Nội, thỉnh thoảng vẫn về nhà. Anh N có nhận được các văn bản, thông báo của Tòa án gửi cho mẹ anh, anh đã gọi điện thông báo cho mẹ anh biết. Như vậy, mặc dù bà H biết việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ cho bà T nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích của bản thân, bà H đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có ý thức bỏ mặc, không quan tâm, không thiện chí hòa giải đối với khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác Tòa án nhân dân huyện

Kiến Xương đã có Công văn yêu cầu Công an huyện Kiến Xương cung cấp tài liệu liên quan đến đơn tố cáo ngày 12/5/2022 của bà Đặng Thị T với nội dung tố cáo bà Bùi Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 1.270.000.000 đồng của bà Tươi. Kết quả xác minh: Công an huyện Kiến Xương cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến việc xác minh, giải quyết đơn tố giác của bà Đặng Thị T, cụ thể nội dung xác minh xác định: bà Bùi Thị H xác nhận đã vay mượn tiền của bà Đặng Thị T từ năm 2018 đến nay. Do tình hình dịch bệnh Covid, làm ăn thua lỗ nên bà H còn nợ bà Tươi tổng số tiền 1.270.000.000 đồng. Hiện nay bà Huyền chưa có khả năng để trả nợ cho bà T số tiền trên, bà H cam đoan sẽ trả nợ dần cho bà T. Thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng 1/2023, mỗi tháng sẽ trả cho bà T số tiền 10.000.000đồng/ tháng. Tuy nhiên bà T không đồng ý với phương án trả nợ trên của bà Huyền.

[2.4] Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên, xác định giữa bà Bùi Thị H và bà Đặng Thị T trên thực tế có xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản, cụ thể ngày 25/3/2019 âm lịch (tức ngày 29/4/2019 dương lịch) chị H vay bà T 50.000.000 đồng; ngày 21/11/2019 âm lịch (tức ngày 16/12/2019) chị H vay 100.000.000 đồng; ngày 15/01/2020 âm lịch (tức ngày 08/02/2020 dương lịch) chị H vay 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H cho bà T vay là 170.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến nay, bà H chưa trả được khoản nợ trên, do đó bà Tươi khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền trên là có căn cứ cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đặng Thị T số tiền 170.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị T là nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị H là bị đơn không được Tòa án chấp nhận do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: bà Đặng Thị T, bà Bùi Thị H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466, khoản 2 Điều 468; 469 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Đặng Thị T đối bà Bùi Thị H.

- Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đặng Thị T số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bẩy mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị T số tiền 8.500.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001720 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

Buộc bà Bùi Thị H phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo**:** Án tuyên công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đặng Thị T, bị đơn bà Bùi Thị H tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phan Anh Tuấn